

ĐÓNG GÓP CỦA NHÀ NHO VỚI NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

ThS. NGHIÊM THU ANGA*

Vào đầu thời độc lập tự chủ, với sự phát triển của Phật giáo, các ngôi chùa vẫn là trung tâm của văn hóa Việt Nam. Nhà chùa đồng thời là trường học, nhà sư là nhà giáo. Cống hiến to lớn của Phật giáo đối với lịch sử giáo dục (GD) nước ta là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, do nhu cầu phát triển quốc gia, tổ chức bộ máy nhà nước mới, đòi hỏi phải đào tạo, tuyển lựa nhân tài, GD Phật giáo dần dần không còn phù hợp và giữ được vị trí tối ưu như nó vốn có. Lúc này, con đường GD Nho học là sự lựa chọn tất yếu và cần thiết. Nền GD Việt Nam thời kì trung đại là nền GD Nho học chiếm vị thế độc tôn mà công lao to lớn phải kể đến những nhà Nho - nhà giáo. Có thể khẳng định, chỉ đến khi nhà Nho xuất hiện với nền GD Nho học được thiết lập, việc học hành - thi cử mới đi vào nền nếp, quy củ, có hệ thống và mới đạt được những thành tựu rực rỡ.

Đóng góp của nhà Nho với nền GD Việt Nam thời trung đại được thể hiện ở nhiều phương diện, bài viết chỉ trình bày những mặt nổi bật nhất.

1. Chủ thể của nền GD

Vai trò chủ thể của nhà Nho đối với GD nước ta thời trung đại trước hết thể hiện ở quan điểm, chủ trương, chính sách GD. Có thể khẳng định quan điểm chủ đạo chi phối nền GD trung đại Việt Nam là tư tưởng: đào tạo nhân tài để phục vụ đất nước, việc tuyển chọn người tài thông qua con đường khoa cử. Mục tiêu này đòi hỏi nền GD phải được hoàn thiện về thể chế, chính sách nhằm quản lí tốt hoạt động GD, đưa việc học hành, thi cử của Nho sinh vào quy củ. Thời phong kiến, ở Việt Nam chưa có bộ luật nào về GD. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi hoạt động GD, các quy chế, thể lệ về việc học, việc thi đã được ban hành, thường được thể hiện trong các bài dụ, chiếu, điều lệ... mang tính pháp lí tối cao.

Về học tập và thi cử, có những quy chế cụ thể về nội dung học tập, định lệ tổ chức các kì thi, đối tượng đi học, đi thi, về xếp đặt các chức học quan, về xây dựng cơ sở đào tạo, về nhiệm vụ của giáo quan, Nho sinh và thí sinh, về phân loại và chia trợ cấp cho giám sinh ở trường giám, về giao nhiệm vụ cho các giáo quan và quan trường thi, về cách thức tổ chức thi cử... Chẳng

hạn, năm 1511, vua Lê Tương Dực đã ban hành *Trị bình bảo giám* gồm 50 điều, trong đó có 5 điều quy định về việc học tập của các giám sinh. Thời Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 3 (1462) định lệ *Bảo kết thi Hương* quy định rõ đối tượng nào không được đi thi. Vua Quang Trung ban chiếu *Lập học*. Các vua nhà Nguyễn có chỉ và đạo dụ về việc tìm mua, thu thập sách vở, tài liệu học tập,...

Về chính sách khuyến học, những người đỗ đạt cao được nhà nước hết sức ưu ái, tôn vinh và ban cho nhiều ân điển: ban yến, ban mũ áo, làm lễ vinh quy bái tổ... Đặc biệt, đến đời vua Lê Thánh Tông - ông vua nhà Nho xuất sắc - lên ngôi, đã mở ra một trang mới trong lịch sử xây dựng nền văn hóa GD của nước nhà. Ông ban hành những định lệ làm thể chế lâu dài cho nền GD khoa cử nước ta. Năm 1484, vua Lê Thánh Tông sai Thượng thư bộ Lễ là Quách Đình Bảo soát lại danh sách tiến sĩ từ khóa thi Nhâm Tuất (1442), sai các nhà Nho Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận, Đào Cử,.... soạn các bài kí đề bia tiến sĩ và sai khắc tên tiến sĩ trên bia đá để lưu danh muôn đời sau... Đó là những ân điển cực kì long trọng dành cho những người thi đỗ đại khoa. Đến triều Nguyễn, về đại thể chúng vẫn còn được duy trì.

Những định lệ này có thể được tìm thấy trong các bộ sử lớn của quốc gia như: **Quốc triều hình luật, Đại Việt sử kí toàn thư, Đại Nam thực lục, Lịch triều hiến chương loại chí**... Các triều đại khác nhau có thể có những thay đổi, nhưng nhìn chung những định lệ trên vẫn hết sức chặt chẽ mà Nho sinh, giáo quan phải nhất nhất tuân theo. Do giới hạn về dung lượng, bài viết không thể trình bày cụ thể, chi tiết các quy chế đó.

Vai trò chủ thể GD của nhà Nho cũng thể hiện đậm nét ở việc họ là lực lượng chủ chốt thực hiện công tác GD - đào tạo. Ngay từ năm 1070, những viên quan giỏi chữ - nhà Nho xuất sắc đã được vua Lý Thánh Tông cho tuyển vào dạy ở Quốc Tử Giám. Thầy giáo giảng dạy trong Quốc Tử Giám gọi chung

* Viện Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

là Giáo quan, bao gồm các quan văn trong triều hoặc những người có học vấn uyên bác trong xã hội. Trải qua các triều đại phong kiến, hệ thầy giáo nào đạo cao đức trọng, có tiếng tăm trong cả nước, đều được ban giữ chức Tế tửu và Tư nghiệp: Tế tửu như Lê Tung (1514); Tư nghiệp có Chu Văn An (1328), Nguyễn Phi Khanh (1400),... Đến đời Lê có Lê Quý Đôn (1767), Vũ Quỳnh, Ngô Sĩ Liên cũng từng giữ chức Tư nghiệp... Ngoài ra còn chức trực giảng (như: Nguyễn Cư Đạo - 1449), bác sĩ (như: Phan Phù Tiên - 1448), trợ giáo (như: Phạm Hùng - 1448), giáo thụ (như: Vũ Vĩnh Trinh - 1448). Tất cả những người giữ trọng trách quản lý ấy đều là bậc danh Nho, đại thần. Bên cạnh đó cũng cần kể đến các vị giáo quan uyên thâm kinh sử được tuyển vào cung dạy riêng cho các hoàng tử, công chúa với chức danh như lễ nghi học sĩ (Nguyễn Thị Lộ - thời Lê), cung trung giáo tập (Nguyễn Thị Hinh - thời Nguyễn)... Đặc biệt, không thể không kể đến bộ phận nhà giáo ở địa phương (làng, xã, huyện, phủ). Họ được gọi là "thầy đồ", chiếm đại đa số người tham gia hoạt động giáo dục, có mặt khắp làng trên xóm dưới, tạo nên mạng lưới GD rộng khắp trong cả nước. Từ nền GD dân dã, có phần tự phát của họ, bao thế hệ học trò nghèo, học giỏi đã ra đời, đóng góp không nhỏ cho sự tồn vong của đất nước.

Ngoài các thầy giáo tham gia giảng dạy, cần kể đến vai trò của những nhà Nho tham gia công tác thi cử. Họ là lực lượng chủ chốt trong việc tuyển dụng nhân tài. Các quan trường thi được chọn lựa kĩ càng, và những người giữ trọng trách ở đây chủ yếu là các nhà Nho có đức độ, tài năng. Đặc biệt, các kì thi đại khoa càng cần đến vai trò của các nhà giáo - nhà Nho uyên bác, những quan đại thần uy tín ở viện hàn lâm, bộ Lễ, Quốc Tử Giám... Đặc biệt, có những ông vua nhà Nho đã đứng ra làm chủ khảo trong các kì thi lớn (vua Lê Thánh Tông).

Như vậy, phần lớn các nhà Nho, dù đỗ đạt hay không đỗ đạt, dù ở cương vị xã hội nào, ít hay nhiều đều từng là thầy giáo, từng tham gia hoạt động GD. Chính vì thế, họ thành lực lượng quan trọng, không thể thay thế trong việc phát triển văn hóa GD Việt Nam thời Trung đại. Nhiều người gấn bó phần lớn cuộc đời mình với sự nghiệp GD nước nhà. Họ đã tham gia vào toàn bộ hệ thống, tiến trình GD, từ việc hoạch định chính sách GD, mở trường lớp, giảng dạy, quản giáo, đến công việc tuyển chọn nhân tài (tổ chức thi, coi thi, chấm thi), và cả việc công bố, tôn vinh những người đỗ đạt... Nhà Nho, vừa là người tham gia xây dựng thể chế GD, đồng thời là người thực thi thể chế đó, cụ thể hóa chúng trong quá trình dạy - học của mình.

2. Đóng góp quan trọng về nội dung, phương pháp, phương tiện GD

1) *Về nội dung GD.* Nhìn chung, GD Nho học chủ yếu nhằm truyền bá những tư tưởng Nho giáo vào trong nhân dân. Những vấn đề cơ bản của triết lí Nho gia được đưa vào nội dung giảng dạy ở trong các trường lớp thời bấy giờ. Ở bậc "sơ học", các nhà Nho đã dạy học trò những nội dung về luân lí, cách đối nhân xử thế, giữ và làm đúng lễ, sống có nghĩa tình, biết hiếu, đễ..., nghĩa là trước hết phải học cách làm người, tạo dựng trách nhiệm và lí tưởng sống. Lên bậc "cao học", các giáo lí đạo đức Nho giáo được tăng thêm hàm lượng trong các bộ sách giáo khoa. Nội dung GD của Nho gia không phải chung chung mà hết sức thiết thực, cụ thể, dạy con người những quan hệ ứng xử từ trong gia đình ra ngoài xã hội.

Ngoài ra, trong nội dung dạy học, các nhà Nho - nhà giáo luôn chú trọng trang bị cho học trò một vốn kiến thức tương đối tổng hợp về khoa học xã hội và nhân văn. Học trò được học về địa lí, về lịch sử, văn học và nhiều phương diện khác của đời sống chính trị, văn hóa, xã hội.

Mặt khác, do mục đích học để đi thi, nên GD Nho học cũng coi trọng trang bị cho học trò lối văn cử nghiệp. Trong suốt thời gian đèn sách, học trò buộc phải thành thạo các loại văn thi cử: kinh nghĩa, văn sách, thơ phú, chiếu, chế, biểu. Ngoài ra, họ còn học cả các thể văn khác như văn tế, câu đối. Nội dung kiến thức phải được diễn đạt trong các thể loại văn theo những quy định rất chặt chẽ, giúp cho học sinh rèn luyện thuần thục, nhanh chóng để có thể vượt qua được các kì thi.

Tóm lại, thông qua việc truyền bá những nội dung trong học thuyết Nho giáo, nền GD của nhà Nho đã không chỉ GD con người những cách đối nhân xử thế đời thường mà còn đào tạo nên cho đất nước những bậc trí thức khoa bảng, những nhà khoa học, những nhà cầm quyền, lãnh đạo đất nước... đáp ứng được đòi hỏi của thời đại - điều mà GD Phật giáo đã không thể đảm nhiệm.

2) *Về phương pháp GD.* Mặc dù còn những hạn chế nhất định, phương pháp GD nhà Nho Việt Nam thời trung đại có những mặt tích cực cần phải ghi nhận một cách khách quan. Nhà Nho, trong quá trình dạy học, đã có những đổi mới tích cực. Chẳng hạn, họ biết hướng người học tới lối học đi đôi với hành. Bằng chứng là rất nhiều đề thi tuyển chọn nhân tài đã yêu cầu thí sinh vận dụng vốn kiến thức đã học vào việc giải quyết một vấn đề chính trị - xã hội hiện tại. Đã không ít những bài làm của Nho sinh trở thành cao kiến cho triều đình trong lúc đất nước lâm nguy.

Nhiều phương pháp dạy học tích cực khác cũng được nhà Nho vận dụng, sáng tạo trong quá trình giảng dạy. Chẳng hạn, phương pháp “nêu gương” được nhiều nhà giáo sử dụng. Họ nêu những tấm gương sáng trong lịch sử để làm ví dụ minh họa, khiến học trò không những dễ hiểu, dễ nhớ mà còn thấm thía bài dạy của thầy, từ đó nảy sinh mong muốn học tập và làm theo... Thầy giáo Võ Trường Toản (? - 1792) (Gia Định) nêu ra hai phương pháp rèn luyện là “tri ngôn” (thể hiện ở sự học tập và thu tóm kiến thức thực dụng: biết cho ra biết, biết để mà làm) và “dưỡng khí” (là sự nuôi dưỡng, rèn luyện chí khí anh hùng)... Một số nhà giáo còn áp dụng phương pháp “thực tế điển dã”. Điển hình như Cao Bá Quát, trong quá trình dạy học đã thường dẫn học trò đi thăm thú núi sông và đi sâu vào cuộc sống của dân chúng, giúp nâng cao kiến thức thực tế sinh động cũng như trau dồi tư duy mĩ cảm trực quan cho học trò... Lại có nhà Nho có phương pháp dạy độc đáo như thầy Nguyễn Sư Lộ (người Thanh Hóa, thế kỉ XV) đỗ cao, từng làm quan nhưng không mở trường dạy học mà ngày ngày ra ngồi trên phiến đá ở ngã ba đầu làng. Kể qua người lại đều được ông mời đến bày vẽ một vài câu, giảng cho nghe một bài học bất kì, hoặc dùng que vẽ chữ xuống đất. Theo tác giả Vũ Ngọc Khánh, đây là “một sáng kiến đưa văn hóa vào đời chúng từ xưa đến nay chưa ai nghĩ ra” (1; tr.612).

3) Về phương tiện GD. Thực tế cho thấy, GD chỉ phát triển được khi đã có chữ viết. Trong thời kì Bắc thuộc, với âm mưu đồng hóa, chính quyền đô hộ đã sử dụng chữ Hán không chỉ trong hoạt động truyền bá văn hóa Trung Quốc, trong công việc hành chính mà cả trong hoạt động GD. Loại chữ đó mặc dù có nhiều hạn chế trong dạy và học nhưng vẫn là thứ ngôn ngữ độc tôn của thầy - trò trong môi trường GD. Sau khi đất nước ta giành quyền tự chủ, do những hạn chế của bản thân chữ Hán và do đòi hỏi của bối cảnh đất nước, chữ Nôm - chữ viết của dân tộc, ra đời. Tuy nhiên, nhà nước phong kiến, khi chấp nhận nội dung GD Nho giáo, đã loại trừ chữ Nôm, không coi chữ Nôm là văn tự chính thức dùng trong việc GD, thi cử. Chữ Nôm chỉ cho phép dạy trong nhà trường để biết thêm, để giảng nghĩa chữ Hán. Đến đầu thế kỉ thứ XV, chữ Nôm đã khẳng định được vị thế của mình trong văn hóa GD nhờ ông vua nhà Nho Hồ Quý Ly - một nhà cải cách lớn thời bấy giờ. Hồ Quý Ly đặc biệt đề cao chữ Nôm, và chính ông cũng là một trong những người đi đầu trong việc sử dụng loại văn tự này. Sử liệu còn ghi lại: “Hồ Quý Ly làm sách *Quốc ngữ thi nghĩa* và bài tựa, sai nữ sư dạy cho hậu phi và cung

nhân học tập. Bài tựa phần nhiều viết theo ý mình, không theo lối tập truyện của Chu Tử” (2; tr.71)... Ngoài các nhà Nho kể trên còn có rất nhiều nhà Nho, nhà GD lớn tham gia và đóng góp không nhỏ cho việc khẳng định chữ Nôm trong đời sống cũng như trong hoạt động GD (Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Thiếp,...). Rõ ràng, Nho gia chính là lực lượng sáng tạo chủ yếu, đồng thời cũng là những người quảng bá mạnh mẽ nhất cho ngôn ngữ này. Cũng nhờ các ưu ái này của nhà Nho, chữ Nôm, từ vai trò bổ sung cho chữ Hán, đã đạt trình độ chữ viết văn học.

3. Một mẫu hình nhân cách nhà giáo

Có thể nhận thấy trong thời trung đại ở nước ta, những người thầy giáo nổi tiếng tài cao cũng đồng thời là những bậc sĩ phu có nhân cách lớn. Mặc dù đã có học vị cao và tri thức uyên bác, họ vẫn luôn dùi mài kinh sử, phát triển tài năng trí tuệ, kinh nghiệm giảng dạy, và thực hiện sự nghiệp cao quý của mình theo tinh thần “giáo nhi bất quyện” (dạy không biết mỏi). Đáng quý hơn, họ luôn trau dồi đạo hạnh, khuôn mình theo Lễ, giữ gìn phẩm giá Nho gia. Bản thân những nhà giáo đã là mẫu nhân cách cao đẹp của con người trung, hiếu, tiết, nghĩa cho học trò học tập. Những tấm gương người thầy đáng kính như Chu Văn An, Nguyễn Phi Khanh, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Bình Khiêm, Lý Trần Quán, Nguyễn Thiếp, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu... thực sự là “gương báu” để cho bao thế hệ “răn mình”.

Ngoài ra, trong xã hội trung đại còn có bao hình ảnh đẹp của những nhà giáo âm thầm nơi thôn dã. Trong số họ, có người bàng quan với khoa cử, có kẻ hăm hở thi thố tài năng, có người vỡ mộng khoa danh, có kẻ thành công trên đường hoạn lộ, lại có kẻ “rấp tâm treo ấn từ quan” vì chán cảnh quan trường, mong xa lánh vòng danh lợi... Tuy trình độ, địa vị, cảnh ngộ... khác nhau, nhưng khi trở thành những vị “thầy đồ”, họ đều tràn đầy nhiệt huyết, đem hết tài năng, trí tuệ của mình truyền lại cho hậu thế, làm tròn sứ mệnh “đào thực hậu tiến”. “Xuất” lại thành “xử”, bởi họ không phải về quê để hưởng cảnh an nhàn mà là thực hiện lẽ sống “tiên vi quan, thoái vi sư”. Nhìn chung, các thầy đồ đều được xã hội kính trọng, bởi lẽ ở họ không chỉ có phẩm chất tận tụy với nghề mà còn vì họ biết sống an nhiên, thanh bần, xa lánh những bon chen danh lợi. Nhiều người trong số họ ít dính dáng đến việc ngoài đời. Với nhiều thầy đồ nghèo, dạy học trở thành một nghề mưu sinh, nhưng không vì thế mà họ bán rẻ lương tri hay lòng tự trọng. Có những thầy đồ nghèo nhưng vẫn lặng thầm nơi thôn xóm, vẫn tình nguyện

dạy không lương cho học trò nghèo hiếu học. Dù tận tâm với nghề, thầy cũng rất khó tính trong việc chọn làng để ở, chọn trò để dạy. Thầy có thể nhận hoặc không nhận dạy trò này, trò kia; có thể “ngồi” ở làng này mà không “ngồi” làng khác, tùy theo thái độ, lễ nghĩa của làng, của người học, của điều kiện phong thủy, của nền nếp gia phong. Không ít nhà phú hộ, nhà quan mời thầy về dạy con em, nhưng nếu không đúng lễ, thầy cũng dứt áo ra đi. Có thầy còn lạnh lùng từ chối đến địa bàn nào đó vì lí do: “Cái nơi ấy, sơn bất cao, thủy bất thâm, nam đa trá, nữ đa dâm, ngôi nơi đó làm gì!” (1; tr.612). Thật không phải ngẫu nhiên mà trong thời đại đó có ba tôn vị lớn nhất trong xã hội: Quân - Sư - Phụ thì người thầy giáo là tôn vị thứ hai, cao hơn cha, và chỉ đứng sau vua.

Và như một hệ quả tất yếu, những người thầy ấy đã sinh ra lớp lớp thế hệ học trò hiếu học, tôn sư trọng đạo. Truyền thống đẹp đẽ đó đã đem lại thành quả lớn trong lịch sử khoa bảng nước ta: tạo nên vô số thế hệ người đỗ đạt với các “nhà khoa bảng”, “dòng họ khoa bảng”, “làng khoa bảng” nức danh. Số liệu thống kê cho thấy: bắt đầu từ khoa thi Nho học đầu tiên (năm Ất Mão - 1075) đến kì thi cuối cùng (năm Kỷ Mùi - 1919), trong 850 năm GD và khoa cử Nho học, số người đỗ tiến sĩ của cả nước là 2.898 (3; tr.23), có tới 21 làng khoa bảng tiêu biểu, tức những làng có từ 10 người trở lên có học vị tiến sĩ (thời Nguyễn có thêm học vị Phó bảng) (3; tr.29). Có những làng khoa bảng nổi danh trở thành niềm tự hào của quê hương như: làng Nguyệt Áng (Thanh Trì, Hà Nội), làng Mộ Trạch (Hải Dương) với dòng họ Vũ, làng Trường Lưu (Hà Tĩnh) với dòng họ Nguyễn Huy... Nhiều người xuất thân trong làng khoa bảng đã thành đạt, đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Họ là những tấm gương sáng về nhân cách của kẻ sĩ, tiêu biểu cho văn hóa làng xã Việt Nam: “Ở một phương diện nào đó, các làng khoa bảng cùng các danh nhân khoa bảng là đại diện xuất sắc cho nền văn hiến Việt Nam. Có thể coi các làng khoa bảng là những ngôi sao sáng về mặt GD và văn hóa trên bầu trời làng xã Việt Nam thời phong kiến” (3; tr.8).

Mặc dù còn một số hạn chế mang tính lịch sử, nhưng nhìn chung, nền GD khoa cử Nho học với vai trò quan trọng của nhà Nho đã có những đóng góp lớn lao cho sự phát triển của văn hóa GD Việt Nam thời Trung đại. Nhà Nho là học trò, rồi cũng chính họ là thầy giáo, là người đề ra, xây dựng và thực thi, phát triển nền văn hóa GD. Cứ thế, thế hệ nọ nối tiếp thế hệ kia, sự nghiệp GD - đào tạo gần 9 thế kỉ đã có những

thành quả rực rỡ, đóng góp cho đất nước bao nhiêu bậc anh tài, tuấn kiệt. Nền văn hóa GD do nhà Nho dày công gây dựng, giữ gìn và phát triển đó cũng chính là cơ sở nền tảng cho sự phát triển của văn hóa chính trị - đạo đức, của văn hóa nghệ thuật cũng như các phương diện văn hóa khác của Việt Nam thời Trung đại.

Ngày nay, với những tiến bộ về khoa học kĩ thuật, những kinh nghiệm phong phú học hỏi được từ bạn bè thế giới, và những đổi mới trong chính sách GD của Đảng và Nhà nước, nền GD nước ta đã có những bước phát triển mới, đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đội ngũ nhà giáo hôm nay đã mang những phẩm chất mới, năng động, sáng tạo. Nhưng những phẩm chất của nhà Nho - người thầy trong thời trung đại vẫn là những tố chất “nền”, vẫn còn có giá trị thời đại. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, khi mà dư luận đang lo âu vì sự xuống cấp của đạo đức xã hội, sự tha hóa của một bộ phận không nhỏ nhà giáo, sự sa sút về chất lượng GD-ĐT thì “tâm” và “tài” của người thầy giáo xưa lại càng là tấm gương sáng cho ngày hôm nay chúng ta soi vào để hoàn thiện chính mình. □

(1) Vũ Ngọc Khánh. **Văn hóa Việt Nam những điều học hỏi**. NXB Văn hóa thông tin, H. 2004.

(2) Nguyễn Khắc Thuần. **Nho giáo với quá trình tham gia vào đời sống văn hóa tư tưởng ở Việt Nam**. NXB Giáo dục, H. 1997.

(3) Bùi Xuân Đính. **Các làng khoa bảng Thăng Long - Hà Nội**. NXB Chính trị quốc gia, H. 1999.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Ân (chủ biên). **Những gương mặt trí thức**. NXB Văn hóa - Thông tin, H. 1998.
2. Phan Đại Doãn. **Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam**. NXB Chính trị quốc gia, H. 1999.
3. Nguyễn Đăng Duy. **Nho giáo và văn hóa Việt Nam**. NXB Hà Nội, 1998.
4. Nguyễn Thế Long. **Nho học ở Việt Nam giáo dục và khoa cử**. NXB Giáo dục, H. 1995.

SUMMARY

This article analyses the contribution of the confucians to the culture and education of Vietnam in the medieval period. The Vietnamese education in the medieval period is the monopoly of confucian education that remained by the great merit of the Confucians - Teachers. During the period of the 9 centuries, the confucians placed a main role in the education. They contributed significantly to the education as building the contents, creating the methods, and improving the instruments. At the same time they also were the icons of teacher's personality that have been idolizing and learning until now.